

Bản án số: **416/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/12/2024

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thanh

Ông Nguyễn Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 515/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 504/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 332/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nhữ Thị H, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn H1, sinh năm 1990; HKTT trước khi xuất cảnh: Khu 1 (khu bờ sông), thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Hàn Quốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nhữ Thị H trình bày:

Chị và anh Trần Văn H1 được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 16/01/2014. Sau khi kết hôn, chị và anh H1 chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, anh H1 chơi bời không quan tâm đến vợ con. Năm 2015, anh H1 đi lao động tại Hàn Quốc. Lý do anh H1 đi Hàn Quốc là do trong thời gian ở nhà, anh H1 chơi bời, nợ nần, không có khả năng trả nợ. Từ đó chị ở nhà một mình nuôi các con, có sự

giúp đỡ của hai bên gia đình. Mặc dù đi nước ngoài làm ăn nhưng anh H1 không gửi tiền về để chị trả nợ và nuôi các con. Sau khi anh H1 đi, thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc với nhau nhưng do mâu thuẫn từ trước nên mỗi lần nói chuyện, vợ chồng thường hay cãi vã nên sau đó anh chị ít liên lạc với nhau. Tháng 4/2024, anh H1 về Việt Nam chơi khoảng 02 tuần. Sau khi anh H1 về, vợ chồng chị phải về ở tại nhà ông bà ngoại vì nếu về nhà chồng sẽ có người đến đòi nợ. Gia đình hai bên đã hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng chị thấy không thể tiếp tục chung sống cùng anh H1 được nữa. Từ tháng 7/2024, chị đã đưa 02 con về nhà bố mẹ đẻ tại thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương sinh sống, vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Khi quyết định ly hôn, chị đã thông báo cho anh H1 biết, anh H1 đã nhắn tin chửi bới, xúc phạm chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Trần Đăng D, sinh ngày 23/8/2014 và Trần Cát V, sinh ngày 08/12/2015. Hiện nay các con đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn, chị xin được nuôi cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị H không cung cấp được địa chỉ của anh Trần Văn H1 tại Hàn Quốc nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh H1. Bà Đỗ Thị V1 (là mẹ đẻ anh H1) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh H1 ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên, anh H1 vẫn thỉnh thoảng liên lạc với bà qua điện thoại. Bà nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh H1 biết. Quan điểm của anh H1 là do các con còn nhỏ nên anh không đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh H1 xác định vợ chồng có 02 con chung như chị H trình bày. Trường hợp vợ chồng ly hôn, quan điểm của anh H1 là mỗi người nuôi một con, anh H1 xin nuôi cháu Trần Đăng D và giao cháu Trần Cát V cho chị H nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Trong thời gian ở nước ngoài, anh H1 ủy quyền cho bà nuôi dưỡng cháu D, bà đồng ý. Về tài sản chung, nợ chung: Anh H1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị H vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt. Bị đơn anh H1 vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nhữ Thị H được ly hôn anh Trần Văn H1. Về con chung: Giao cả 02 con chung là Trần Đăng D, sinh ngày 23/8/2014 và Trần Cát V, sinh ngày 08/12/2015 cho chị Nhữ Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Trần Văn H1 hiện đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ của anh H1 tại Hàn Quốc. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị H và gia đình anh H1 cung cấp địa chỉ, nhưng chị H và gia đình anh H1 không cung cấp được. Bà Đỗ Thị V1 là mẹ đẻ anh H1 xác định anh H1 vẫn thỉnh thoảng liên lạc với gia đình, bà đã thông báo về việc chị H có đơn xin ly hôn, anh H1 không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

[1.3] Tại phiên tòa, chị H vắng mặt, có quan điểm xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh H1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nhữ Thị H và anh Trần Văn H1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 16/01/2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H trình bày là vợ chồng không hợp nhau và do anh H1 chơi bời không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Năm 2015, anh H1 đi lao động tại Hàn Quốc, thời gian đầu khi anh H1 mới đi vợ chồng vẫn liên lạc với nhau nhưng sau đó mỗi lần nói chuyện lại xảy ra cãi nhau nên từ đó chị và anh H1 không còn liên lạc nữa. Thông qua gia đình, anh H1 có quan điểm không đồng ý ly hôn do thương các con còn nhỏ.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị không còn quan tâm, yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng anh H1 không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy cần chấp nhận cho chị H được ly hôn anh H1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung là Trần Đăng D, sinh ngày 23/8/2014 và Trần Cát V, sinh ngày 08/12/2015. Hiện nay các con đang ở cùng chị H. Sau khi ly hôn, chị H xin được nuôi cả 02 con chung; anh H1 xin nuôi cháu D và giao cháu V cho chị H nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu D và cháu V đang sinh sống ổn định cùng chị H, hai cháu đều có nguyện vọng được ở cùng chị H. Anh H1 đang ở Hàn Quốc, không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu D và cháu V cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H tự nguyện không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nhữ Thị H ly hôn anh Trần Văn H1.
2. Về con chung: Giao cho chị Nhữ Thị H được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Trần Đăng D, sinh ngày 23/8/2014 và Trần Cát V, sinh ngày 08/12/2015 kể từ tháng 12/2024 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nhữ Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0005200 ngày 09 tháng 10 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nhữ Thị H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh Trần Văn H1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa

